



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 87/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GỐM ỐP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

GUOCERA SDN. BHD.

Địa chỉ: 201, Jalan Mengkibol, 86000 Kluang, Johor Darul Takzim, Malaysia.

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 24/07/2025 đến hết 23/07/2028

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

Phạm Đức Nhuận

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN



Lê Văn Quang

PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **87/2025/DNNK-SVIBM** ngày **24/07/2025** của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to Certificate No 87/2025/ DNNK-SVIBM dated July 24, 2025*)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (mm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	BIa	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	SR5085A	300 x 600 x 9.3
2				SR5085B	300 x 600 x 9.3
3				SR5085C	300 x 600 x 9.3
4				SR5085D	300 x 600 x 9.3
5				X6R5085A	600 x 1200 x 10.0
6				X6R5085B	600 x 1200 x 10.0
7				X6R5085C	600 x 1200 x 10.0
8				X6R5085D	600 x 1200 x 10.0
9				YR5085A	600 x 600 x 9.3
10				YR5085B	600 x 600 x 9.3

11	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YR5085D	600 x 600 x 9.3
12				SR5067B	300 x 600 x 9.3
13				SR5067D	300 x 600 x 9.3
14				YR5067A	600 x 600 x 9.3
15				YR5067B	600 x 600 x 9.3
16				SSR330A	300 x 600 x 9.3
17				SSR330B	300 x 600 x 9.3
18				SSR330C	300 x 600 x 9.3
19				SSR330D	300 x 600 x 9.3
20				SSR330E	300 x 600 x 9.3
21				SSR330F	300 x 600 x 9.3
22				YR350A	600 x 600 x 9.3
23				YR350B	600 x 600 x 9.3
24				YR350D	600 x 600 x 9.3
25				GX-CTL1MR	600 x 1200 x 10.0
26				GX-CTL2MR	600 x 1200 x 10.0
27				GX-CTL4MR	600 x 1200 x 10.0
28				GX-CTL5MR	600 x 1200 x 10.0

29	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GX-CTL6MR	600 x 1200 x 10.0
30				GY-CTL1MR	600 x 600 x 9.3
31				GY-CTL2MR	600 x 600 x 9.3
32				GY-CTL4MR	600 x 600 x 9.3
33				GY-CTL5MR	600 x 600 x 9.3
34				GY-CTL6MR	600 x 600 x 9.3
35				SS8024A	300 x 600 x 9.3
36				SS8024AR	300 x 600 x 9.3
37				SS8024B	300 x 600 x 9.3
38				SS8024BR	300 x 600 x 9.3
39				SS8024C	300 x 600 x 9.3
40				SS8024CR	300 x 600 x 9.3
41				SS8024D	300 x 600 x 9.3
42				SS8024DR	300 x 600 x 9.3
43				SS8024E	300 x 600 x 9.3
44				SS8024ER	300 x 600 x 9.3
45				YS8024A	600 x 600 x 9.3
46				YS8024B	600 x 600 x 9.3
47				YS8024BR	600 x 600 x 9.3
48				YS8024C	600 x 600 x 9.3
49				YS8024D	600 x 600 x 9.3

50	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YS8024E	600 x 600 x 9.3
51				SR80252A	300 x 600 x 9.3
52				SR80252B	300 x 600 x 9.3
53				SR80252D	300 x 600 x 9.3
54				X6R80252A	600 x 1200 x 10.0
55				X6R80252B	600 x 1200 x 10.0
56				X6R80252C	600 x 1200 x 10.0
57				YR80252A	600 x 600 x 9.3
58				YR80252B	600 x 600 x 9.3
59				YR80252C	600 x 600 x 9.3
60				YR80252D	600 x 600 x 9.3
61				X6R8021A	600 x 1200 x 10.0
62				X6R8021B	600 x 1200 x 10.0
63				X6R8021C	600 x 1200 x 10.0
64				YR8021B	600 x 600 x 9.3
65				YR8021C	600 x 600 x 9.3
66				X6R8016N	600 x 1200 x 10.0
67				YR8016N	600 x 600 x 9.3
68				YR8001A	600 x 600 x 9.3
69				YR8001C	600 x 600 x 9.3
70				X6R8011N	600 x 1200 x 10.0
71				X6R8011P	600 x 1200 x 10.0
72				YR8011N	600 x 600 x 9.3
73				X6R8018N	600 x 1200 x 10.0
74				X6R8018P	600 x 1200 x 10.0
75				X6R8010N	600 x 1200 x 10.0
76				X2R8027AM	200 x 1200 x 10.0
77				X2R8027BM	200 x 1200 x 10.0
78				X2R8027DM	200 x 1200 x 10.0
79				X2R8022AM	200 x 1200 x 10.0
80				X2R8022EM	200 x 1200 x 10.0

81	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	SR5037A	300 x 600 x 9.3
82				SR5037B	300 x 600 x 9.3
83				SR5037C	300 x 600 x 9.3
84				SR5037D	300 x 600 x 9.3
85				YR5037A	600 x 600 x 9.3
86				YR5037B	600 x 600 x 9.3
87				YR5037C	600 x 600 x 9.3
88				YR5037D	600 x 600 x 9.3
89				GX-PIT2MR	600 x 1200 x 10.0
90				GX-PIT6MR	600 x 1200 x 10.0
91				GY-PIT2MR	600 x 600 x 9.3
92				GY-PIT6MR	600 x 600 x 9.3
93				YR8031AM	600 x 600 x 9.3
94				SY-AMA1NR	600 x 600 x 8.8
95				SY-AMA2NR	600 x 600 x 8.8
96				SY-AMA4NR	600 x 600 x 8.8
97				SY-AMA5NR	600 x 600 x 8.8
98				36P002A	300 x 600 x 8.8
99				36P002B	300 x 600 x 8.8
100				36P002C	300 x 600 x 8.8
101				36P002D	300 x 600 x 8.8
102				36P002E	300 x 600 x 8.8
103				60P002A	600 x 600 x 8.8
104				60P002B	600 x 600 x 8.8
105				60P002C	600 x 600 x 8.8
106				SY-VTA1NR	600 x 600 x 8.8
107				SY-VTA2NR	600 x 600 x 8.8
108				SY-VTA4NR	600 x 600 x 8.8
109				SY-VTA5NR	600 x 600 x 8.8
110				VX-CCT1NR	600 x 1200 x 10.0
111				VX-CCT2NR	600 x 1200 x 10.0

112	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	VX-CCT4NR	600 x 1200 x 10.0
113				VY-CCT1NR	600 x 600 x 9.3
114				VY-CCT2NR	600 x 600 x 9.3
115				VY-CCT4NR	600 x 600 x 9.3
116				X6R8006N	600 x 1200 x 10.0
117				YR5085C	600 x 600 x 9.3
118				60P002D	600 x 600 x 8.8
119				SR80252C	300 x 600 x 9.3
120				X6R80252D	600 x 1200 x 10.0
121				X6R8006P	600 x 1200 x 10.0
122				YR8006N	600 x 600 x 9.3
123				X2R8027CM	200 x 1200 x 10.0
124				X2R8022DM	200 x 1200 x 10.0
125				SR5067A	300 x 600 x 9.3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2025

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Văn Quang